

Số: 03/KL-TTr

Chiêm Hóa, ngày 28 tháng 3 năm 2024

KẾT LUẬN THANH TRA

Về việc thanh tra công tác quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách Nhà nước cấp tại trường Trung học cơ sở Phú Bình, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang (Từ 01/01/2020 đến 31/12/2022)

Thực hiện Quyết định số 01/QĐ-TTr ngày 08/01/2024 của Chánh Thanh tra huyện Chiêm Hóa về việc Thanh tra công tác quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước cấp tại các trường: Mầm non Phú Bình, Tiểu học Phú Bình, Trung học cơ sở Phú Bình, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang (Từ 01/01/2020 đến 31/12/2022). Từ ngày 19/01/2024 đến ngày 29/02/2024, Đoàn thanh tra đã tiến hành thanh tra công tác quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách Nhà nước cấp tại trường THCS Phú Bình.

Xét báo cáo kết quả thanh tra số 03/BC-ĐTTr ngày 15/3/2024 của Trưởng đoàn thanh tra số 01.

Chánh Thanh tra huyện Chiêm Hóa kết luận như sau:

I. KHÁI QUÁT CHUNG

Trường Trung học cơ sở Phú Bình được thành lập năm 2000 theo Quyết định số 717/QĐ-UBND ngày 17 tháng 8 năm 2000 của Ủy ban nhân dân huyện Chiêm Hóa. Trường có 01 điểm trường tại thôn Tạng Khiếu xã Phú Bình. Năm học 2022 - 2023 trường có 08 lớp với tổng số 342 học sinh.

Trường có tổng số 17 cán bộ quản lý, giáo viên (Trong đó: Cán bộ quản lý 02 người, giáo viên 15 người). Phong trào thi đua của nhà trường được duy trì thường xuyên, thiết thực và có hiệu quả góp phần tích cực trong việc động viên cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh trong toàn trường hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ.

Thực hiện thu, chi ngân sách cơ bản đúng mục đích, dự toán được giao, đảm bảo nhu cầu hoạt động thường xuyên của nhà trường.

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

1. Tổng thu: 12.470.951.500đ

Nội dung	Tổng	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
Tổng thu (Ngân sách cấp)	12.470.951.500đ	3.819.699.400đ	4.090.149.600đ	4.561.102.500đ

2. Tổng chi: 12.470.951.500đ

2.1. Năm 2020: 3.819.699.400đ (Có biểu chi tiết kèm theo)

TT	Nội dung	Số liệu đơn vị	Số liệu thanh tra	Chênh lệch
	Tổng chi	3.819.699.400đ	3.810.182.025đ	9.517.375đ
1	Chi lương, tiền công và các khoản phụ cấp lương	2.506.002.000đ	2.496.484.625đ	9.517.375đ
2	Chi nộp BHYT, BHXH, KPCĐ, BHTN	320.242.800đ	320.242.800đ	0
3	Chi nghiệp vụ chuyên môn, chi khác	258.820.200đ	258.820.200đ	0

Nội dung số tiền chênh lệch cụ thể như sau:

TT	Họ và tên	Thời gian nghỉ thai sản	Hệ số lương	Chênh lệch Phụ cấp ưu đãi nghề (70%-35%)	Số tháng	Tổng hệ số chênh lệch	Số tiền chênh lệch
	Tổng						9.517.375
1	Nguyễn Thị Thanh Thảo	T01/2020 - T5/2020	3,65	1.2775	5	6,3875	9.517.375

Số tiền chênh lệch 9.517.375đ là số tiền chi không đúng định mức chế độ phụ cấp ưu đãi nghề cho giáo viên trong thời gian nghỉ chế độ thai sản. Thực hiện không đúng quy định tại Nghị định số 76/2019/NĐ-CP ngày 08/10/2019 của Chính phủ Về chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và Thông tư liên tịch số 01/2006/TTLT-BGD&ĐT-BNV-BTC ngày 23/01/2006 của Bộ Tài chính-Bộ Nội vụ-Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện Quyết định số 244/2005/QĐ-TTg ngày 06/10/2005 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ phụ cấp ưu đãi đối với nhà giáo đang trực tiếp giảng dạy trong các cơ sở giáo dục công lập.

* Nội dung có liên quan đến năm 2019:

TT	Họ và tên	Thời gian nghỉ thai sản	Hệ số lương	Chênh lệch Phụ cấp ưu đãi nghề (70%-35%)	Số tháng	Tổng hệ số chênh lệch	Số tiền chênh lệch
	Tổng						1.903.474đ
1	Nguyễn Thị Thanh Thảo	T 12/2019	3,65	1.2775	1	1.2775	1.903.474đ

Năm 2019: Số tiền 1.903.475đ là số tiền chi không đúng định mức chế độ phụ cấp ưu đãi nghề cho giáo viên trong thời gian nghỉ chế độ thai sản năm 2020 có liên quan đến thời gian nghỉ thai sản năm 2019. Thực hiện không đúng quy định Nghị định số 76/2019/NĐ-CP ngày 08/10/2019 của Chính phủ Về chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và Thông tư liên tịch số 01/2006/TTLT-BGD&ĐT-BNV-BTC ngày 23/01/2006 của Bộ Tài chính-Bộ Nội vụ-Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện Quyết định số 244/2005/QĐ-TTg ngày 06/10/2005 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ phụ cấp ưu đãi đối với nhà giáo đang trực tiếp giảng dạy trong các cơ sở giáo dục công lập.

2.2. Năm 2021: 4.090.149.600đ (Có biểu chi tiết kèm theo)

TT	Nội dung	Số liệu đơn vị	Số liệu thanh tra	Chênh lệch
	Tổng chi	4.090.149.600đ	4.090.149.600đ	0
1	Chi lương, tiền công và các khoản phụ cấp lương	2.462.045.900đ	2.462.045.900đ	0
2	Chi nộp BHYT, BHXH, KPCĐ, BHTN	308.371.700đ	308.371.700đ	0
3	Chi nghiệp vụ chuyên môn, chi khác	1.319.732.000đ	1.319.732.000đ	0

2.3. Năm 2022: 4.561.102.500đ (Có biểu chi tiết kèm theo)

TT	Nội dung	Số liệu đơn vị	Số liệu thanh tra	Chênh lệch
	Tổng chi	4.561.102.500đ	4.561.102.500đ	0
1	Chi lương, tiền công và các khoản phụ cấp lương	2.535.194.200đ	2.535.194.200đ	0
2	Chi nộp BHYT, BHXH, KPCĐ, BHTN	312.725.300đ	312.725.300đ	0
3	Chi nghiệp vụ chuyên môn, chi khác	1.713.183.000đ	1.713.183.000đ	0

III. KẾT LUẬN

1. Ưu điểm

- Căn cứ vào quyết định giao dự toán ngân sách đầu năm và bổ sung trong năm, đơn vị đã quản lý và sử dụng nguồn kinh phí theo đúng dự toán được giao, đảm bảo nhu cầu hoạt động thường xuyên của nhà trường và các nhiệm vụ được bổ sung trong năm như thực hiện chính sách hỗ trợ học sinh và giáo viên trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ; miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ; hỗ trợ học tập đối với học sinh dân tộc thiểu số rất ít người theo Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ và một số nhiệm vụ khác.

- Hằng năm, đơn vị đã xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy chế quản lý, sử dụng tài sản và thực hiện cơ bản theo Quy chế đã đề ra, mở đầy đủ các loại sổ sách theo quy định, áp dụng phần mềm kế toán, thực hiện công khai tài chính theo quy định. Tiến hành kiểm kê tài sản hằng năm theo quy định.

2. Tồn tại, hạn chế

- Việc xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ còn có nội dung chưa phù hợp với quy định như chi cho cán bộ, giáo viên may trang phục mức tối đa không quá 1.000.000đ/người/năm. Tuy nhiên trong quá trình tổ chức thực hiện nhà trường không chi trả nội dung trên.

- Một số chứng từ chưa đảm bảo các yếu tố hợp pháp, hợp lệ của chứng từ như: Chi thanh toán tiền bảo vệ còn gộp nhiều tháng thanh toán là chưa đúng với hợp đồng đã ký là hàng tháng; thanh toán tiền sửa chữa thiết bị công nghệ thông tin thiếu phiếu báo hỏng, biên bản kiểm tra hiện trạng, danh sách nhận của người trực tiếp sử dụng thiết bị tin học.

- Chi không đúng quy định chế độ phụ cấp ưu đãi nghề cho giáo viên trong thời gian nghỉ thai sản.

3. Sai phạm

Trường Trung học cơ sở Phú Bình chi không đúng chế độ, định mức chi phụ cấp ưu đãi nghề cho giáo viên trong thời gian nghỉ thai sản số tiền **11.420.850đ** (Trong đó: Chi không đúng định mức chế độ phụ cấp ưu đãi nghề cho giáo viên trong thời gian nghỉ thai sản năm 2020 số tiền 9.517.375đ và có liên quan đến năm 2019 số tiền 1.903.475đ).

Căn cứ pháp lý: Vi phạm khoản 3, Điều 18 của Luật ngân sách Nhà nước năm 2015 quy định các hành vi bị cấm trong lĩnh vực ngân sách nhà nước: “3. Chi không có dự toán, trừ trường hợp quy định tại Điều 51 của Luật này; chi không đúng dự toán ngân sách được giao; **chi sai chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi, không đúng mục đích; tự đặt ra các khoản chi trái với quy định của pháp luật**”.

3. Nguyên nhân, trách nhiệm

3.1. Nguyên nhân

Hiệu trưởng nhà trường đồng thời là Chủ tài khoản chưa thường xuyên kiểm tra, giám sát hoạt động tài chính - kế toán của nhà trường.

Viên chức làm công tác kế toán chưa tham mưu hết chức trách nhiệm vụ trong việc thực hiện các quy định, hướng dẫn về công tác quản lý, sử dụng tài chính của nhà trường

3.2. Trách nhiệm

Những tồn tại, hạn chế trong công tác quản lý, sử dụng nguồn kinh phí ngân sách nhà nước cấp nhất là trong việc thực hiện nguyên tắc quản lý tài chính, trách nhiệm thuộc về chủ tài khoản (Hiệu trưởng nhà trường).

Việc thực hiện chưa đầy đủ chức trách, nhiệm vụ trong thực hiện chuyên môn, nghiệp vụ trách nhiệm thuộc về kế toán của đơn vị.

IV. KIẾN NGHỊ VÀ XỬ LÝ

1. Về công tác quản lý

1.1. Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện

Tăng cường công tác kiểm tra, hướng dẫn nghiệp vụ kế toán đối với các đơn vị trường học trên địa bàn huyện.

1.2. Trường THCS Phú Bình

Tiếp tục thực hiện công tác quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách theo đúng Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn theo quy định.

Thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, tăng cường công tác tự kiểm tra, giám sát việc thực hiện thu chi các nguồn kinh phí tại đơn vị.

2. Xử lý về kinh tế

Căn cứ khoản 1, Điều 46, Nghị định số 43/2023/NĐ-CP ngày 30/6/2023 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thanh tra: Quy định về thu hồi tài sản bị chiếm đoạt, chiếm giữ, sử dụng trái phép hoặc bị thất thoát do hành vi trái pháp luật gây ra “*Trong quá trình tiến hành thanh tra, người ra quyết định thanh tra quyết định hoặc yêu cầu, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền quyết định thu hồi ngay tài sản bị chiếm đoạt, chiếm giữ, sử dụng trái phép hoặc bị thất thoát do hành vi trái pháp luật của đối tượng thanh tra gây ra khi có bằng chứng, chứng cứ rõ ràng về hành vi vi phạm hoặc đối tượng thanh tra thừa nhận hành vi vi phạm của mình hoặc chủ động nộp lại tài sản đã chiếm đoạt, chiếm giữ, sử dụng trái phép*”.

Thanh tra huyện ban hành quyết định thu hồi số tiền **11.420.850đ** (làm tròn 11.420.800 đ) của trường THCS Phú Bình có liên quan đến sai phạm. Nộp vào Tài khoản tạm giữ chờ xử lý của Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện số hiệu 3941.0.1020994.00000 mở tại Kho bạc Nhà nước Chiêm Hóa.

3. Về nhân sự

Căn cứ tồn tại đã kết luận qua thanh tra nguồn kinh phí ngân sách Nhà nước cấp tại trường THCS Phú Bình, yêu cầu trường THCS Phú Bình nghiêm túc kiểm điểm rút kinh nghiệm đối với các cá nhân (*Hiệu trưởng và Kế toán nhà trường*) và các cá nhân có liên quan đến công tác quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách Nhà nước cấp tại nhà trường.

Yêu cầu Trường THCS Phú Bình và các cá nhân có liên quan thực hiện các nội dung trong kết luận, báo cáo kết quả thực hiện về cơ quan Thanh tra huyện trước ngày 30/4/2024././r

Nơi nhận:

- UBND huyện; | (*Báo cáo*)
- Thanh tra tỉnh; | (*Báo cáo*)
- Công thông tin điện tử của huyện;
- Phòng TC-KH;
- Phòng Nội vụ;
- Phòng GD&ĐT;
- Trường THCS Phú Bình;
- Đoàn thanh tra số 01;
- Lưu: TTr; HSĐTTr.

CHÁNH THANH TRA



Nguyễn Minh Phú

UBND HUYỆN CHIÊM HÓA
THANH TRA HUYỆN

BIỂU TỔNG HỢP
CHI NGÂN SÁCH NĂM 2020 TRƯỜNG THCS PHÚ BÌNH
(Kèm theo kết luận số 03 ngày 28/03/2024 của Chánh Thanh tra huyện)

ĐVT: đồng

TT		Số liệu đơn vị	Số liệu thanh tra	Chênh lệch
	Tổng chi	3,819,699,400	3,810,182,025	9,517,375
I	Kinh phí thực hiện thường xuyên/tự chủ	3,085,065,000	3,075,547,625	9,517,375
1	Tiền lương	1,071,978,600	1,071,978,600	0
2	Tiền công	91,373,700	91,373,700	0
3	Phụ cấp lương	1,342,649,700	1,333,132,325	9,517,375
	PC chức vụ	26,666,400	26,666,400	0
	PC khu vực	87,594,900	87,594,900	0
	PC thu hút	45,245,400	45,245,400	0
	PC ưu đãi nghề	755,922,300	746,404,925	9,517,375
	PC trách nhiệm theo nghề, theo công việc	7,152,000	7,152,000	0
	PC thâm niên vượt khung, thâm niên nghề	183,590,400	183,590,400	0
	PC công tác lâu năm ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn	228,849,500	228,849,500	0
	Phụ cấp khác	7,628,800	7,628,800	0
4	Các khoản đóng góp	320,242,800	320,242,800	0
	Bảo hiểm xã hội	232,779,200	232,779,200	0
	Bảo hiểm y tế	40,909,000	40,909,000	0
	Kinh phí công đoàn	27,396,400	27,396,400	0
	Bảo hiểm thất nghiệp	12,282,400	12,282,400	0
	Các khoản đóng góp khác	6,875,800	6,875,800	0
5	Chi thường xuyên khác	258,820,200	258,820,200	0
	Tiền thưởng	9,478,000	9,478,000	0
	Phúc lợi tập thể	5,300,000	5,300,000	0
	Thanh toán dịch vụ công cộng	7,261,600	7,261,600	0
	Vật tư văn phòng	55,495,700	55,495,700	0
	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	5,967,100	5,967,100	0
	Công tác phí	13,722,000	13,722,000	0
	Chi phí thuê mướn	17,880,000	17,880,000	0
	Chi sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn	38,650,000	38,650,000	0
	Chi phí nghiệp vụ	17,495,000	17,495,000	0
	Chi khác...	87,570,800	87,570,800	0
II	Kinh phí không thường xuyên	734,634,400	734,634,400	0
	Hỗ trợ đối tượng chi phí học tập	51,600,000	51,600,000	0
	Các khoản hỗ trợ khác	487,975,000	487,975,000	0
	Chi khác	61,667,400	61,667,400	0
	Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	105,000,000	105,000,000	0
	Cấp bù học phí theo chế độ quy định	23,142,000	23,142,000	0
	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	5,250,000	5,250,000	0

UBND HUYỆN CHIÊM HÓA
THANH TRA HUYỆN

BIỂU TỔNG HỢP
CHI NGÂN SÁCH NĂM 2021 TRƯỜNG THCS PHÚ BÌNH
(Kèm theo kết luận số 03 ngày 28/03/2024 của Chánh Thanh tra huyện)

ĐVT: đồng

TT		Số liệu đơn vị	Số liệu thanh tra	Chênh lệch
	Tổng chi	4,090,149,600	4,090,149,600	0
I	Kinh phí thực hiện thường xuyên/tự chủ	3,003,037,000	3,003,037,000	0
1	Tiền lương	1,061,568,300	1,061,568,300	0
2	Tiền công	51,281,800	51,281,800	0
3	Phụ cấp lương	1,349,195,800	1,349,195,800	0
	PC chức vụ	26,820,200	26,820,200	0
	PC khu vực	86,958,700	86,958,700	0
	PC thu hút	51,707,900	51,707,900	0
	PC ưu đãi nghề	739,768,800	739,768,800	0
	PC trách nhiệm theo nghề, theo công việc	6,556,000	6,556,000	0
	PC thâm niên vượt khung, thâm niên nghề	186,579,400	186,579,400	0
	PC công tác lâu năm ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn	241,984,000	241,984,000	0
	Phụ cấp khác	8,820,800	8,820,800	0
4	Các khoản đóng góp	308,371,700	308,371,700	0
	Bảo hiểm xã hội	223,983,500	223,983,500	0
	Bảo hiểm y tế	39,283,800	39,283,800	0
	Kinh phí công đoàn	26,586,000	26,586,000	0
	Bảo hiểm thất nghiệp	11,972,300	11,972,300	0
	Các khoản đóng góp khác	6,546,100	6,546,100	0
5	Chi thường xuyên khác	232,619,400	232,619,400	0
	Tiền thưởng	7,850,000	7,850,000	0
	Phúc lợi tập thể	4,700,000	4,700,000	0
	Thanh toán dịch vụ công cộng	6,505,800	6,505,800	0
	Vật tư văn phòng	56,886,200	56,886,200	0
	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	1,102,900	1,102,900	0
	Công tác phí	15,704,000	15,704,000	0
	Chi phí thuê mướn	17,880,000	17,880,000	0
	Chi sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn	40,844,000	40,844,000	0
	Chi phí nghiệp vụ	22,614,300	22,614,300	0
	Chi khác...	58,532,200	58,532,200	0
II	Kinh phí không thường xuyên	1,087,112,600	1,087,112,600	0
	Hỗ trợ đối tượng chi phí học tập	215,300,000	215,300,000	0
	Các khoản hỗ trợ khác	581,845,000	581,845,000	0
	Chi khác	106,229,600	106,229,600	0
	Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	150,000,000	150,000,000	0
	Cấp bù học phí theo chế độ quy định	28,488,000	28,488,000	0
	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	5,250,000	5,250,000	0

UBND HUYỆN CHIÊM HÓA
THANH TRA HUYỆN

BIỂU TỔNG HỢP
CHI NGÂN SÁCH NĂM 2022 TRƯỜNG THCS PHÚ BÌNH
(Kèm theo kết luận số 03 ngày 28/03/2024 của Chánh Thanh tra huyện)

ĐVT: đồng

TT		Số liệu đơn vị	Số liệu thanh tra	Chênh lệch
	Tổng chi	4,561,102,500	4,561,102,500	0
I	Kinh phí thực hiện thường xuyên/tự chủ	3,114,760,500	3,114,760,500	0
1	Tiền lương	1,072,606,000	1,072,606,000	0
2	Tiền công	35,303,000	35,303,000	0
3	Phụ cấp lương	1,427,285,200	1,427,285,200	0
	PC chức vụ	26,820,000	26,820,000	0
	PC khu vực	88,059,000	88,059,000	0
	PC thu hút	134,046,500	134,046,500	0
	Phụ cấp làm đêm, làm thêm giờ	9,415,700	9,415,700	0
	PC ưu đãi nghề	769,108,400	769,108,400	0
	PC trách nhiệm theo nghề, theo công việc	5,364,000	5,364,000	0
	PC thâm niên vượt khung, thâm niên nghề	188,732,400	188,732,400	0
	PC công tác lâu năm ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn	197,872,000	197,872,000	0
	Phụ cấp khác	7,867,200	7,867,200	0
4	Các khoản đóng góp	312,725,300	312,725,300	0
	Bảo hiểm xã hội	227,749,600	227,749,600	0
	Bảo hiểm y tế	39,661,700	39,661,700	0
	Kinh phí công đoàn	26,441,000	26,441,000	0
	Bảo hiểm thất nghiệp	12,262,900	12,262,900	0
	Các khoản đóng góp khác	6,610,100	6,610,100	0
5	Chi thường xuyên khác	266,841,000	266,841,000	0
	Tiền thưởng	9,600,000	9,600,000	0
	Phúc lợi tập thể	5,098,700	5,098,700	0
	Thanh toán dịch vụ công cộng	8,377,200	8,377,200	0
	Vật tư văn phòng	43,404,000	43,404,000	0
	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	400,000	400,000	0
	Công tác phí	25,295,600	25,295,600	0
	Chi phí thuê mướn	17,880,000	17,880,000	0
	Chi sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn	37,811,000	37,811,000	
	Chi phí nghiệp vụ	31,350,700	31,350,700	0
	Chi khác...	87,623,800	87,623,800	0
II	Kinh phí không thường xuyên	1,446,342,000	1,446,342,000	0
	Hỗ trợ đối tượng chi phí học tập	431,250,000	431,250,000	0
	Các khoản hỗ trợ khác	654,855,000	654,855,000	0
	Chi khác	99,450,000	99,450,000	0
	Cấp bù học phí theo chế độ quy định	86,614,000	86,614,000	0
	Chi tinh giản biên chế	174,173,000	174,173,000	0

